

## ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP (FDI) CỦA TAIWAN VÀO VIỆT NAM: THÀNH TỰU VÀ ĐẶC ĐIỂM

*Luu Trang, Nguyễn Duy Phương\**

### TÓM TẮT

Taiwan là một trong những nhà đầu tư trực tiếp (FDI) sớm và lớn tại Việt Nam. Sau hơn hai thập niên (1988 – 2010) đầu tư trực tiếp vào Việt Nam, Taiwan đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn trên nhiều lĩnh vực, với những đặc trưng riêng có ý nghĩa quan trọng đối với cả Taiwan và Việt Nam.

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích những thành tựu, nhân tố tạo nên những thành tựu đó, đặc điểm hoạt động đầu tư trực tiếp (FDI) của Taiwan tại Việt Nam hơn 20 năm qua. Qua đó, rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích cho hoạt động đầu tư của Taiwan và cho việc tiếp nhận đầu tư của Việt Nam hiện nay; đồng thời, giúp cho hai bên nhận biết những khó khăn, vướng mắc để tháo gỡ cùng những thuận lợi, thời cơ để nắm bắt nhằm thúc đẩy tăng trưởng hơn nữa quan hệ kinh tế.

### 1. Thành tựu đầu tư trực tiếp của Taiwan vào Việt Nam

Taiwan là một trong bốn con rồng châu Á, từ rất sớm đã thiết lập mối quan hệ khá ổn định đối với các nước Đông Nam Á. Đối với Việt Nam, ngay khi Luật Đầu tư nước ngoài được ban hành (1988), Taiwan đã có mặt ở nước ta. Hơn hai thập niên qua, Taiwan luôn là nhà đầu tư FDI lớn ở Việt Nam và đã góp phần quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế của Việt Nam. Hiện nay, mặc dù tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động nhưng Taiwan vẫn tiếp tục duy trì vị trí nằm trong top 10 đối tác đầu tư FDI lớn nhất vào Việt Nam.

Với ưu thế là người đến sớm, Taiwan đã nhanh chóng xác định chỗ đứng của mình trong nhiều lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam. Nếu như năm 1989, Taiwan mới chỉ có một hạng mục đầu tư, với số vốn ít ỏi 1,5 triệu USD, xếp hàng thứ 8 trong 13 nước và khu vực có mặt ở Việt Nam lúc đó thì bước sang thập kỉ 90 của thế kỷ XX, tình hình đã hoàn toàn thay đổi. Năm 1990, mặc dù kim ngạch đầu tư vào Việt Nam chưa lớn (251 triệu USD), nhưng Taiwan đã bước lên vị trí số 2 trong bảng xếp hạng các nước và khu vực đầu tư vào Việt Nam. Năm 1991, kim ngạch đầu tư của Taiwan tăng vọt, đạt 520,9 triệu USD, gấp 2 lần so với 2 năm 1989 và 1990. Đến năm 1995, Taiwan khẳng định vị trí của mình trong cuộc đọ sức giữa các quốc gia và khu vực có mặt tại Việt Nam, với lượng vốn đăng ký là 1,23 tỉ USD, dẫn đầu danh sách 10 nước có vốn đầu tư lớn nhất vào Việt Nam. Một trong những nguyên nhân quan trọng khiến khối lượng đầu tư của Taiwan tăng mạnh vào năm 1995 là do tác động của “*Chính sách hướng Nam*” được chính quyền Taiwan đề xướng và thực hiện từ năm 1994. Chính sách này nhằm mục tiêu thúc đẩy mạnh mẽ các luồng đầu tư của Taiwan vào thị trường Đông Nam Á, trong đó Việt Nam được coi là trọng điểm, là nơi dừng chân quan trọng của các doanh nghiệp Taiwan. Bước sang năm 1996, khối lượng đầu tư của Việt Nam giảm đi chút ít, nhường vị trí đầu bảng cho Xingapo, sau đó lùi xuống hàng thứ 6 vào năm 1997. Cũng từ năm

1997 trở đi, khối lượng đầu tư vào Việt Nam của Taiwan lên xuống thất thường, giảm sút đáng kể vào năm 1999 (172,9 triệu USD) và chưa năm nào đạt 500 triệu USD. Nhưng từ năm 2002 trở về sau, Taiwan dần ổn định lại vị trí dẫn đầu trong số các nước và khu vực đầu tư lớn tại Việt Nam. Theo Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, từ năm 1988 – 2007, FDI của Taiwan vào Việt Nam chỉ xếp sau Hàn Quốc và Singapore với tổng số vốn đầu tư là 10,5 tỷ USD, trong khi Hàn Quốc đạt 13,5 tỷ USD, Singapore đạt 10,7 tỷ USD [1]. Tuy nhiên, trong 3 năm gần đây, so với 92 quốc gia và vùng lãnh thổ đã có đầu tư tại Việt Nam thì Taiwan chính là nhà đầu tư số 1 tại Việt Nam với 1.981 dự án và đạt 19,95 tỷ USD vốn đăng ký (2008), 2.023 dự án và 21,34 tỷ USD (2009) và trên 2.146 dự án với tổng vốn đăng ký 22,81 tỷ USD (2010) [2].

Minh chứng cho thành tựu đầu tư của Taiwan ở Việt Nam phải kể đến hoạt động kinh doanh, sản xuất của các khu chế xuất. Một trong những thành công đó là Tân Thuận - khu chế xuất đầu tiên ở Việt Nam do Taiwan đầu tư xây dựng vào đầu năm 1992 và chính thức đưa vào hoạt động năm 1994. Theo thống kê, đến năm 2000, tổng kim ngạch xuất khẩu của khu Tân Thuận đã lên tới 5 tỷ USD, tiêu thụ trên 100 nước và khu vực trên thế giới. Bên cạnh đó, không ít các doanh nghiệp Taiwan đã chiếm lĩnh và khẳng định được vị thế, có uy tín trên nhiều lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam. Đó là các công ty có tên tuổi như công ty Vedan, Công ty xi măng Chinh Fong - Hải Phòng, công ty chế tạo xe máy VMEP, các công ty sản xuất đồ da, đồ gỗ gia dụng, dệt may, chế biến thức ăn gia súc gia cầm, chế biến và nuôi trồng thủy hải sản, kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ... Có thể khẳng định, so với các nước và khu vực khác, Taiwan là đối tác chiếm lĩnh được nhiều lĩnh vực đầu tư nhất ở Việt Nam, với tiềm năng phát triển ngày càng lớn.

Cũng như các quốc gia khác, đầu tư trực tiếp vào Việt Nam, Taiwan chủ yếu tham gia dưới ba hình thức: liên doanh, 100% vốn nước ngoài và hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Liên doanh là hình thức đầu tư phổ biến được các doanh nghiệp Taiwan cũng như nước ngoài sử dụng. Thời gian đầu phần nhiều các dự án là liên doanh vì vừa mới tiếp cận thị trường mới, nhà đầu tư vẫn chưa thật sự hiểu và có sự tin tưởng vào Việt Nam nên họ cần liên doanh để lấy doanh nghiệp Việt Nam làm cầu nối tiếp cận với thị trường nội địa và cũng để chia sẻ rủi ro. Bên cạnh hình thức liên doanh, đầu tư 100% vốn nước ngoài cũng được các nhà đầu tư của Taiwan ngày càng quan tâm. Sở dĩ như vậy bởi đây là hình thức các nhà đầu tư có quyền độc lập, tự quyết định các chiến lược kinh doanh của mình cho phù hợp. Nhằm khuyến khích thu hút FDI, phía Việt Nam đã sửa đổi mức hạn thời gian từ 20 năm lên 50 năm đối với loại hình đầu tư này, đồng thời cho phép hưởng một số ưu đãi như các công ty liên doanh. Với sự cởi mở đó, các dự án theo loại hình đầu tư 100% vốn của Taiwan cũng gia tăng trong thời gian qua.

Từ năm 1988 đến năm 2002, đứng đầu là hình thức liên doanh có vốn đăng ký

2.918 tỷ USD chiếm tỷ trọng 51,27% với 426 dự án chiếm tỷ trọng 50,74%; hình thức 100% vốn nước ngoài giữ vị trí thứ 2 với 362 dự án chiếm 44,09% tổng số dự án, vốn đăng ký là 2,14 tỷ USD chiếm tỷ trọng 37,23%. Hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh đứng cuối với 24 dự án chiếm 5,17% tổng số dự án đầu tư, vốn đăng ký là 0,432 tỷ USD chiếm tỷ trọng 11,50% [3].

Chỉ trong thời gian ngắn hơn hai thập niên mà đầu tư trực tiếp của Taiwan vào Việt Nam đạt kết quả lớn như vậy là nhờ Taiwan có ưu thế gần gũi về địa lý và thuận lợi về giao thông đến Việt Nam; Taiwan và Việt Nam nằm trong khu vực phát triển năng động nhất thế giới, lại tương đồng về lịch sử - văn hóa thuận lợi cho quan hệ hợp tác; quan trọng hơn là cả hai đều có nhu cầu và lợi ích để quan hệ với nhau. Việt Nam là quốc gia đang phát triển, có tài nguyên, thị trường, đang thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, rất cần vốn và công nghệ; Taiwan là lãnh thổ phát triển công nghiệp hóa theo hướng xuất khẩu, rất cần nguyên liệu, năng lượng, lao động, thị trường đầu tư và chuyên giao công nghệ.

## **2. Đặc điểm đầu tư trực tiếp (FDI) của Taiwan vào Việt Nam**

### **2.1. Quy mô đầu tư vừa và nhỏ**

Với đặc thù là nền công nghiệp mới nổi (công nghiệp mới NIEs), tiềm lực vốn chưa thật sự hùng hậu, các doanh nghiệp Taiwan đầu tư vào Việt Nam chủ yếu theo quy mô vừa và nhỏ. Điều đó vừa phù hợp với mục đích mở rộng không gian sinh tồn của các xí nghiệp vừa và nhỏ của Taiwan, vừa phù hợp với trình độ còn khiêm tốn của các xí nghiệp liên doanh Việt Nam.

Thập niên 1990, Taiwan triển khai mạnh mẽ chiến lược nâng cấp ngành, ra sức phát triển các ngành tập trung vốn và kỹ thuật cao. Đứng trước tình hình đó nhiều xí nghiệp vừa và nhỏ Taiwan do chưa đủ sức cạnh tranh với các xí nghiệp tập đoàn lớn, hoặc gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong môi trường đầu tư nội địa đã phải tìm hướng phát triển tại thị trường nước ngoài. Thực tế cho thấy chủ trương thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đầu tư tại Việt Nam của Taiwan là hết sức đúng đắn. Phần lớn công nghệ cần chuyển giao của Taiwan đã được nhiều doanh nghiệp Việt Nam đón nhận nhiệt tình, bởi nó phù hợp với yêu cầu mở rộng các ngành sản xuất tập trung sức lao động ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Quy mô đầu tư vừa phải của Taiwan còn giúp các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận và hiểu rõ hơn về một mô hình sản xuất rất cần tham khảo đối với Việt Nam - mô hình xí nghiệp vừa và nhỏ.

Căn cứ theo số lượng vốn đăng ký thì quy mô trung bình của mỗi hạng mục đầu tư từ năm 1989 - 2002 là 5,5 triệu USD. Trừ năm 1995 là năm đỉnh điểm về đầu tư của Taiwan tại Việt Nam, quy mô đầu tư trung bình của các hạng mục đạt khoảng 19,07 triệu USD; còn lại các năm khác quy mô nhỏ hơn nhiều, thấp nhất là năm 2002: 1,2 triệu USD. Các nhà đầu tư của Taiwan có mức vốn dưới 5 triệu USD chiếm đến 59%; dự án từ 5 – 10 triệu USD chiếm 21%, dự án trên 10 triệu chiếm 20% tổng số dự án [3].

## ***2.2. Lĩnh vực đầu tư đa dạng, có sự không đồng đều giữa các ngành***

Các nhà đầu tư Taiwan có mặt trên hầu hết mọi lĩnh vực của nền kinh tế Việt Nam, từ xây dựng cơ sở hạ tầng khu chế xuất, khu công nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính, xây dựng khách sạn – văn phòng cho thuê đến các ngành công nghiệp nặng, nhẹ, sản xuất chế biến nông, lâm, hải sản, thực phẩm... Với sự đầu tư đa dạng và mạnh mẽ vào Việt Nam của Taiwan đã góp một phần quan trọng vào việc đưa Việt Nam thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế cuối thập niên 80, đồng thời góp phần khai thông các quan hệ kinh tế quốc tế những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX để Việt Nam sớm hội nhập rộng và sâu vào nền kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, trong cơ cấu đầu tư cũng có sự chênh lệch lớn giữa các ngành. Lĩnh vực công nghiệp được ưu tiên đầu tư hơn so với các ngành khác. Theo Cục Đầu tư nước ngoài, từ năm 1988 – 2005, đầu tư vào công nghiệp Việt Nam của Taiwan gồm công nghiệp nhẹ, công nghiệp nặng, công nghiệp thực phẩm và xây dựng với 1.046 dự án với tổng vốn đầu tư 5,3 tỷ USD 1,018 tỷ USD; trong khi đó các ngành khác lại được đầu tư ít hơn nhiều, các ngành dịch vụ bao gồm giao thông vận tải, bưu điện, khách sạn – du lịch, tài chính – ngân hàng, văn hóa, giáo dục, y tế, xây dựng văn phòng, căn hộ, khu công nghiệp... chỉ có 77 dự án với 1,36 tỷ USD; ngành nông lâm nghiệp và thủy sản có 306 dự án và 1,018 tỷ USD [4]. Điều đó đã phản ánh rõ ưu thế về trình độ công nghiệp phát triển cao của Taiwan. Các dự án đầu tư này của Taiwan đã góp phần hỗ trợ rất lớn cho sự phát triển của các ngành công nghiệp then chốt đang còn rất thiếu và yếu ở nước ta. Trong lĩnh vực nông nghiệp, các dự án tập trung chủ yếu vào những ngành chế biến nông, lâm, thủy sản, chưa có nhiều dự án về sản xuất nông lâm nghiệp với quy mô lớn, đồng bộ. Bởi đây là lĩnh vực đầu tư nhiều rủi ro do tính không ổn định của thị trường đầu ra, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, lợi nhuận lại không cao, vì vậy chưa hấp dẫn được các nhà đầu tư nước ngoài.

Có thể nói đầu tư trực tiếp của Taiwan vào Việt Nam đã phản ánh đúng đắn cách đánh giá lợi thế và sự lựa chọn hướng đầu tư của Taiwan đối với Việt Nam. Vốn đầu tư trực tiếp của Taiwan vào Việt Nam đến nay đã có mặt trên mọi lĩnh vực kinh tế. Với sự đầu tư đó, rõ ràng lợi nhuận Taiwan thu được từ Việt Nam cũng không phải là nhỏ. Những lợi nhuận đó làm tăng đồng vốn và đổi mới công nghệ của Taiwan; giúp nền kinh tế này cải thiện tính cạnh tranh có hiệu quả trên thị trường và nâng cao vị trí kinh tế quốc tế của mình; đồng thời góp phần vào sự điều chỉnh chính sách kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện để duy trì sự phát triển liên tục ở thập niên 90 và thập niên đầu của thế kỷ XXI.

## ***2.3. Địa bàn đầu tư rộng nhưng chênh lệch giữa các địa phương***

Tuy có nghiêng về một vài tỉnh, thành phố có cơ sở kinh tế, văn hoá và khoa học kỹ thuật tốt hơn, đặc biệt là các tỉnh phía Nam, nhưng so với một số nước và khu vực khác, địa bàn đầu tư của Taiwan vào nước ta trải rộng trên nhiều địa phương. Trong hơn 20 năm (1988 – 2010), các nhà đầu tư Taiwan đã có mặt tại 44 tỉnh thành Việt Nam.

Tuy nhiên, các dự án FDI của Taiwan cũng phản ánh rõ xu hướng tập trung vào những địa phương có môi trường thuận lợi, nhất là nơi có cơ sở hạ tầng tương đối tốt, nguồn nhân lực dồi dào có chất lượng cao. Theo đó, địa phương thu hút nhiều dự án đầu tư của Taiwan nhất là Bình Dương với 429 dự án, tiếp đến là thành phố Hồ Chí Minh với 367 dự án, Đồng Nai là địa phương thứ ba tiếp nhận số lượng dự án đầu tư lớn từ vùng lãnh thổ này. Thống kê cho đến cuối năm 2005, Đồng Nai có 272 dự án của Taiwan với tổng số vốn đầu tư lên đến 2,6 tỷ USD, chiếm 1/3 số dự án và hơn 30% tổng số vốn đầu tư nước ngoài vào tỉnh này [5]

Phân bố đầu tư chênh lệch tại các tỉnh, thành phố là đặc điểm chung, không chỉ riêng đối với Taiwan, điều đó đòi hỏi cả hai bên, đặc biệt là phía Việt Nam phải tìm biện pháp tháo gỡ và khắc phục. Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện sống, kinh doanh tốt hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài là những việc làm không nên chậm trễ. Chỉ như vậy mới có thể tạo sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trên mọi vùng miền lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Kết luận

Sau hơn 20 năm thiết lập quan hệ hợp tác đầu tư, Việt Nam và Taiwan đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Số dự án và vốn đầu tư của Taiwan vào Việt Nam ngày càng tăng. Theo nhận định của các nhà dự báo kinh tế, năm 2011, Taiwan sẽ tiếp tục nằm trong top 10 nhà đầu tư FDI tại Việt Nam. Trong quá trình đầu tư, Taiwan đã đưa những công nghệ cần chuyển giao và lượng vốn tương đối lớn sang Việt Nam, tận dụng nguồn lao động rẻ, dễ huy động và nhiều ưu thế khác để tiến hành các hoạt động kinh doanh, sản xuất có lợi cho Taiwan. Điều quan trọng nhất là Taiwan đã mở rộng được không gian sinh tồn cho nhiều xí nghiệp vừa và nhỏ tỏ ra kém sức cạnh tranh tại thị trường đầu tư nội địa, góp phần rất đáng kể vào việc thực hiện chiến lược quốc tế hoá nền kinh tế của Taiwan. Về phía mình, Việt Nam đã tranh thủ được những công nghệ kỹ thuật phù hợp và nguồn vốn đáng kể từ Taiwan, giải quyết tình trạng thiếu vốn và lạc hậu về công nghệ mà Việt Nam đang phải đối đầu; học hỏi, tiếp thu nhiều tri thức mới và kinh nghiệm quản lý tiên tiến của các doanh nghiệp Taiwan trong quá trình cùng kinh doanh, sản xuất; tạo cơ hội tìm việc làm ổn định, góp phần tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho nhiều người lao động Việt Nam. Có thể khẳng định, quan hệ hợp tác đầu tư Taiwan - Việt Nam là nhu cầu tất yếu trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, đồng thời góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế của cả hai bên.

Tuy nhiên, lượng đầu tư FDI của Taiwan vào Việt Nam vẫn chưa tương xứng với tiềm lực của cả hai quốc gia. Các nhà đầu tư Taiwan chỉ quan tâm đến những lĩnh vực, dự án có tỷ suất lợi nhuận cao, còn những dự án, lĩnh vực, mặc dù rất cần thiết cho dân sinh nhưng không đưa lại lợi nhuận thỏa đáng thì không được chú ý. Hơn nữa, có một số cơ sở sản xuất kinh doanh thiếu tinh thần trách nhiệm, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái, làm phương hại đến hoạt động kinh tế và cuộc sống của những người

dân sống quanh khu vực dự án...

Vì vậy, chúng ta cần đánh giá một cách đầy đủ những thành công đạt được và những khó khăn tồn tại nhằm thu hút hơn nữa lượng vốn FDI của Taiwan. Mong rằng quan hệ hợp tác đầu tư giữa Taiwan – Việt Nam sẽ ngày càng tốt đẹp và đạt hiệu quả để Việt Nam không những khai thác được những thế mạnh của Taiwan thông qua hoạt động FDI cho quá trình công nghiệp – hiện đại hóa đất nước mà còn ngày càng khẳng định được vị trí của mình trên trường quốc tế.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] <http://fia.mpi.gov.vn/Default.aspx?ctl=FIAs&TabID=4&mID=237>
- [2] <http://fia.mpi.gov.vn/news.aspx?ctl=news&p=2.44&mID=8>
- [3] Báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và đầu tư
- [4] Võ Hải Thanh (2008), “Triển vọng quan hệ kinh tế Việt Nam – Đài Loan”, tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 3 (85), tr.46.
- [5] Phạm Thị Hồng Phượng (2006), Tình hình đầu tư trực tiếp của Taiwan vào Việt Nam giai đoạn 1988 – 2005, tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 6 (66), tr28

### DIRECT INVESTMENT OF TAIWAN IN VIET NAM: ACHIEVEMENTS AND CHARACTERISTICS

*Luu Trang; Nguyen Duy Phuong*

*The University of Danang – University of Science and Education*

#### ABSTRACT

Taiwan is one of the early and big foreign direct investors (FDI) in Viet Nam. After investing directly in Vietnam for more than two decades (1990 – 2010), Taiwan has recorded great achievements in various fields with its own characteristics which have important implications for both Taiwan and Vietnam

In this article, we focus on analyzing the achievements, factors creating these achievements and characteristics of FDI in Vietnam by Taiwan for over 20 years. Accordingly, some necessary solutions are drawn to promote further investments from Taiwan and attract FDI to Vietnam sustainably.

PGS.TS.Luu Trang, Email: [mr.luutrang@gmail.com](mailto:mr.luutrang@gmail.com), Trường Đại học Sư phạm

ThS. Nguyễn Duy Phương, Email : [phuongduy1s@gmail.com](mailto:phuongduy1s@gmail.com), Trường Đại học Sư phạm